

XUẤT KHẨU NÔNG SẢN VIỆT NAM: THÁCH THỨC VỀ TIÊU CHUẨN AN TOÀN THỰC PHẨM

Phạm Thị Lan Anh
Ủy ban Kiểm tra Trung ương
Email: lananhbkt@gmail.com

Ngày nhận: 16/4/2019

Ngày nhận bản sửa: 06/5/2019

Ngày duyệt đăng: 05/8/2019

Tóm tắt:

Những năm gần đây, sản xuất nông nghiệp đã tăng mạnh, gần gấp đôi về sản lượng giữa các năm 1995 - 2018, với kim ngạch xuất khẩu nông sản tăng vọt, nhưng đến 90% nông sản của Việt Nam vẫn được xuất khẩu dưới dạng thô hoặc với chất lượng và giá trị xuất khẩu thấp hơn các sản phẩm cùng loại của nhiều quốc gia khác. Một trong những nguyên nhân chính dẫn đến tình trạng này là do chất lượng đầu ra của hàng hóa nông sản Việt Nam chưa đảm bảo về tiêu chuẩn an toàn thực phẩm quốc tế. Bài viết này sẽ chỉ ra tác động của các tiêu chuẩn an toàn thực phẩm đối với dòng chảy thương mại nông sản nói chung và thực trạng xuất khẩu nông sản Việt Nam thời gian qua, cũng như những thách thức cho việc nâng cao chất lượng an toàn thực phẩm nông sản xuất khẩu trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng hiện nay. Trên cơ sở đó, bài báo đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng an toàn thực phẩm nông sản Việt Nam để đáp ứng yêu cầu của thị trường quốc tế.

Từ khóa: Xuất khẩu nông sản, nông nghiệp, tiêu chuẩn an toàn thực phẩm.

Mã JEL: Q17

Agricultural products exports in Vietnam: Challenges for food safety

Abstract:

In recent years, there has been a significant increase in agricultural production, with the production almost doubled between 1995 and 2018. The export turnover of agricultural products increased sharply, but up to 90% of Vietnam's agricultural products are still exported in raw form or with lower quality and export value than similar products of many other countries. One of the reasons is that the output quality of Vietnamese agricultural products has not met international food safety standards. This paper presents the impact of food safety standards on agricultural trade flows in general and the current situation of Vietnam's agricultural exports, as well as the challenges in improving quality and safety of agricultural products for export in the context of international integration. On that basis, several solutions are proposed to improve the quality of Vietnamese agricultural products for meeting the requirements of the international market.

Keywords: Agricultural exports, agriculture, food safety standards.

JEL Code: Q17.

1. Đặt vấn đề

Ngành nông nghiệp có vị trí chiến lược trong việc thúc đẩy phát triển kinh tế ở các nước đang phát triển, do mật độ dân số ở các nước này sống tập trung ở nông thôn, nên đa số họ sẽ làm việc trong ngành nông nghiệp, và do vậy đã góp phần xóa đói, giảm nghèo, giải quyết thất nghiệp, đảm bảo an ninh lương thực và là chỗ dựa nền tảng cho ngành công nghiệp và dịch vụ phát triển. Bên cạnh đó, trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, xuất khẩu nông sản không chỉ góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế của các nước sở tại mà còn đóng góp lớn cho an ninh lương thực toàn cầu.

Việt Nam là quốc gia có nền sản xuất nông nghiệp chiếm tỷ lệ cao, lao động nông thôn chiếm 69,8% tổng số lao động, lao động làm việc trong lĩnh vực nông nghiệp chiếm khoảng 44% tổng lao động và đóng góp giá trị sản xuất nông nghiệp khoảng một phần tư tổng sản phẩm quốc nội (GDP). Nông nghiệp chiếm khoảng 23% tổng giá trị xuất khẩu, trong đó tỷ trọng của giá trị nông sản xuất khẩu đóng vai trò chủ đạo và luôn ở mức trên dưới 60% (Trung ương Hội Nông dân Việt Nam, 2017). Thương mại nông sản đóng vai trò rất quan trọng, là một trong những đóng góp chính cho phát triển kinh tế. Tuy nhiên, việc thiếu tiếp cận thị trường ở các nước có nền kinh tế phát triển do thuế quan cao và các hàng rào phi thuế quan đang là một cản trở đối với thương mại.

Thực tế cho thấy, đầu những năm 1970, thuế quan là phương thức chủ yếu của chủ nghĩa bảo hộ (Jaffee & Henson, 2004). Tuy nhiên, với các vòng đàm phán Hiệp định chung về Thuế quan và Thương mại (GATT) nối tiếp nhau, mức giảm thuế trung bình của hàng sản xuất tại thị trường các nước phát triển đã giảm đáng kể. Khi mức thuế đánh vào thương mại là không đáng kể do các nước phải có nghĩa vụ với các thỏa thuận của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), thì nhiều quốc gia đã sử dụng một hình thức bảo hộ mới gọi là biện pháp phi thuế quan, trong đó các quy định và tiêu chuẩn an toàn thực phẩm là công cụ phổ biến nhất để từ chối hàng hóa nhập khẩu. Qua nhiều năm, những tiêu chí và yêu cầu trong hệ thống kiểm soát an toàn thực phẩm ngày càng trở nên khắt khe, hoặc thậm chí một số nước đôi khi đã xây dựng các bộ tiêu chuẩn đã không

được dựa trên khoa học và thực tế, nên nó có thể trở thành những hàng rào phi thuế quan hạn chế thương mại (FAO, 2013). Và trong thực tế, các tiêu chuẩn an toàn thực phẩm đó đã có những tác động đáng kể đến dòng chảy thương mại nông sản của Việt Nam với các nước khác.

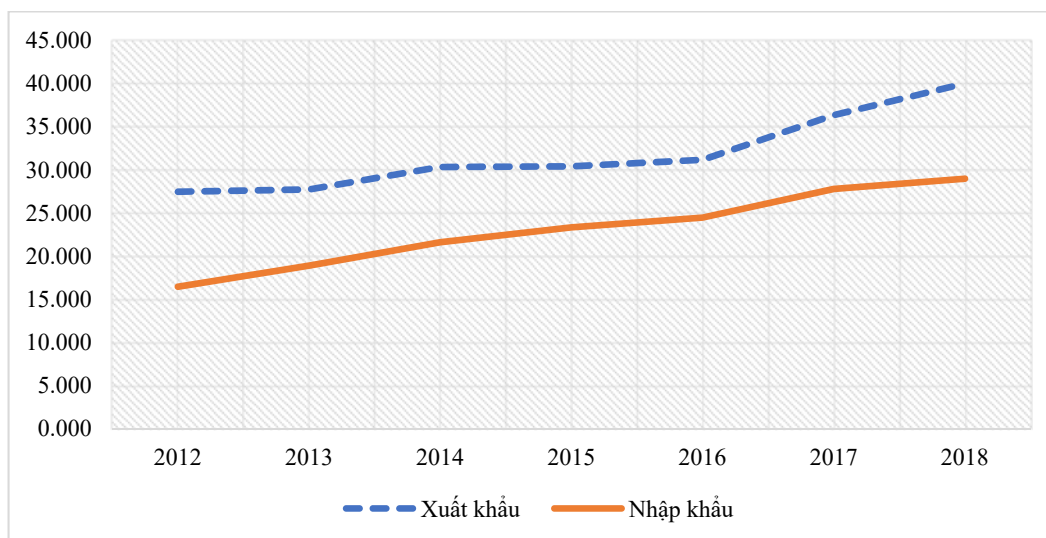
Tác động của các quy định về an toàn thực phẩm đối với hoạt động thương mại là rất khác nhau giữa các quốc gia. Trong một nghiên cứu về xuất khẩu nông nghiệp của Trung Quốc, Chen & cộng sự (2008) chỉ ra rằng, các tiêu chuẩn an toàn thực phẩm được áp đặt bởi các nước nhập khẩu có ảnh hưởng tiêu cực đến xuất khẩu nông nghiệp của Trung Quốc. Anders & Caswell (2009) chứng minh rằng, Hệ thống phân tích mối nguy và điểm kiểm soát tới hạn (HACCP) (công cụ quản lý rủi ro được sử dụng chủ yếu trong quản lý rủi ro an toàn thực phẩm xuất hiện đầu tiên tại Hoa Kỳ) có tác động tiêu cực đến các nước đang phát triển nhưng có tác động tích cực đến các nước phát triển trong việc nhập khẩu nông sản vào thị trường Hoa Kỳ. Tương tự, một nghiên cứu của Jongwanich (2009) cũng cho thấy, các tiêu chuẩn an toàn thực phẩm của các nước phát triển đã có một tác động cản trở đối với xuất khẩu thực phẩm chế biến từ các nước đang phát triển.

Ngược lại, một số nghiên cứu khác lại chứng minh hoạt động xuất khẩu có thể được liên quan tích cực với các chứng nhận tiêu chuẩn an toàn thực phẩm. Nhiều nước đang sử dụng các tiêu chuẩn chất lượng cao và an toàn để định vị lại vị trí của mình trên thị trường toàn cầu (Jaffee & Henson, 2004). Ví dụ, nghiên cứu của Maertens & Swinnen (2009) đã chỉ ra, Senegal có mức tăng trưởng đáng kể về xuất khẩu rau kể từ khi các tiêu chuẩn an toàn thực phẩm được thông qua, bởi vì các tiêu chuẩn này đã thúc đẩy họ chuyển đổi sản xuất từ các nông hộ nhỏ sang sản xuất quy mô lớn. Rõ ràng, các tiêu chuẩn an toàn thực phẩm có tác động đáng kể đến thương mại giữa một nước đang phát triển như Việt Nam và phần còn lại của thế giới. Do vậy, công tác quản lý, kiểm soát và nâng cao chất lượng an toàn nông sản thực phẩm đang đặt ra hết sức cấp bách đối với Việt Nam để đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế.

2. Phân tích thực trạng xuất khẩu nông sản của Việt Nam

Trước năm 1986, Việt Nam không phải là một đối

Hình 1: Thương mại nông sản thực phẩm 2012 - 2018



Nguồn: Tổng hợp từ số liệu Tổng cục Thống kê (không năm xuất bản).

tác đáng kể trên thị trường hàng hóa nông nghiệp thế giới, với thương mại bị Chính phủ kiểm soát chặt chẽ (OECD, 2015). Nhưng kể từ khi gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới - WTO (2007) Việt Nam cũng liên tục đàm phán, ký kết và triển khai nhiều Hiệp định thương mại tự do song phương và khu vực với các thị trường trọng điểm toàn cầu. Theo đó, Việt Nam đã mở cửa thị trường nhập khẩu các nông sản hàng hóa mà Việt Nam không có thế mạnh và tăng cường xuất khẩu các sản phẩm nông sản có lợi thế cạnh tranh. Đến giai đoạn 2011 - 2012, Việt Nam đã trở thành nước xuất khẩu lớn nhất thế giới đối với hạt điều và hạt tiêu đen, là nước xuất khẩu gạo lớn thứ hai đối cà phê và sắn, là nước xuất khẩu thứ ba thế giới về gạo, thủy sản, và là nước xuất khẩu lớn thứ 5 thế giới về cao su. Mặc dù sau khủng hoảng tài chính toàn cầu (2009), kinh tế vĩ mô gặp nhiều khó khăn, ngành nông nghiệp vẫn là ngành giữ được tốc độ tăng trưởng tương đối ổn định, với xuất khẩu nông sản luôn duy trì mức xuất siêu trung bình 7 - 8 tỷ USD/năm, góp phần quan trọng hạn chế thâm hụt trong cán cân thương mại quốc gia (OECD, 2015).

Theo số liệu của Tổng cục Thống kê (2018), năm 2018 GDP khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,76%, đóng góp 8,7% vào mức tăng trưởng chung của nền kinh tế. Đây cũng là mức tăng trưởng cao nhất của khu vực nông, lâm, thủy sản trong giai

đoạn 2012 - 2018. Những thành quả đạt được này trong vòng hai thập kỷ cho nhiều hàng hóa đối với nước như Việt Nam với xuất phát điểm không tham gia thị trường xuất khẩu và không có kinh nghiệm trong thương mại quốc tế, là chưa từng có. Kết quả này khẳng định xu thế chuyển đổi cơ cấu ngành nông nghiệp đã và đang phát huy hiệu quả, đặc biệt trong lĩnh vực nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản. Mặc dù, năng suất lao động thấp, năng lực cạnh tranh không cao nhưng nông nghiệp là ngành duy nhất có xuất siêu, giúp Việt Nam trở thành một trong những quốc gia xuất khẩu hàng đầu thế giới về nhiều loại nông sản. Hiện nay, sản phẩm nông nghiệp Việt Nam đã được xuất khẩu đến 180 quốc gia trên thế giới, trong đó, một số mặt hàng tăng trưởng cao về kim ngạch xuất khẩu như: Thủy sản đạt 8,8 tỷ USD, tăng 6,3%; rau quả đạt 3,8 tỷ USD, tăng 9,2%; cà phê đạt 3,5 tỷ USD, tăng 1,2% (lượng tăng 20,1%); gạo đạt 3,1 tỷ USD, tăng 16% (lượng tăng 4,6%). Bên cạnh đó, một số mặt hàng nông sản tuy lượng xuất khẩu tăng nhưng do giá xuất khẩu bình quân giảm nên kim ngạch giảm so với năm trước như: Hạt điều đạt 3,4 tỷ USD, giảm 3,9% (lượng tăng 6,2%); cao su đạt 2,1 tỷ USD, giảm 6,1% (lượng tăng 14,5%); hạt tiêu đạt 757 triệu USD, giảm 32,2% (lượng tăng 8,1%) (Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, 2018).

Hình 1 cho thấy bức tranh tổng thể về thương mại

nông sản của Việt Nam trong giai đoạn 7 năm gần đây. Từ năm 2012 đến năm 2018, khối lượng xuất khẩu và nhập khẩu của các mặt hàng nông nghiệp Việt Nam có xu hướng tăng trong suốt thời kỳ này. Giữa năm 2012 - 2013, xuất khẩu duy trì mức tăng trưởng ổn định và sau đó có xu hướng tăng lên. Đặc biệt, năm 2018, tổng kim ngạch xuất khẩu nông, lâm, thủy sản đạt khoảng 40,05 tỷ USD, đạt mức cao nhất từ trước đến nay, tăng 9,6% so với năm 2017 và tăng hơn 3 lần so với thời điểm bắt đầu gia nhập WTO (12,6 tỷ USD năm 2007).

Cùng với đó, giá trị nhập khẩu sản phẩm nông nghiệp của Việt Nam cũng tăng đều trong suốt thời kỳ này, nhưng với tổng giá trị thấp hơn nhiều, chỉ bằng khoảng 30% so với giá trị xuất khẩu. Năm 2012, giá trị nhập khẩu nông, lâm, thủy sản chỉ đạt 16,5 tỷ USD, đến năm 2017 giá trị này đã tăng lên 27,82 tỷ USD, tăng 12,5% so với cùng kỳ năm 2016.

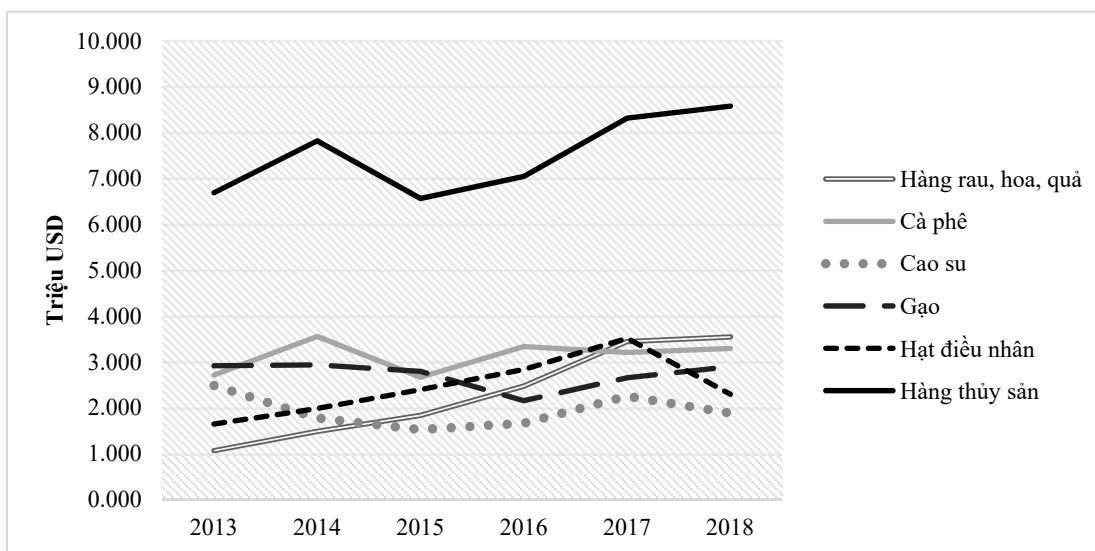
Trong cơ cấu giá trị xuất khẩu nông nghiệp của Việt Nam giai đoạn 2012 - 2018, tỷ trọng của giá trị nông sản xuất khẩu vẫn đóng vai trò chủ đạo luôn giữ ở mức trên 50% trong tổng giá trị xuất khẩu ngành nông nghiệp, nhưng chưa thực sự ổn định. Hàng nông sản Việt Nam xuất khẩu sang nhiều thị trường, trong đó, những thị trường nhập khẩu nông sản lớn nhất của Việt Nam là Trung Quốc (19%),

EU (16%), Hoa Kỳ (13%), Nhật Bản (8%), Hàn Quốc (5%)... Nếu như năm 2011, Việt Nam có 19 thị trường xuất khẩu đạt hơn 1 tỷ USD thì đến năm 2018 đã lên hơn 30 thị trường (Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, 2018).

Trong số các mặt hàng nông sản xuất khẩu chủ yếu của Việt Nam, gạo, cà phê và cao su là các mặt hàng nông sản truyền thống, nhưng lại có xu hướng xuất khẩu giảm dần và không ổn định trong suốt những năm 2012 - 2018 (Hình 2). Trong giai đoạn này, ba mặt hàng có giá trị xuất khẩu cao nhất lần lượt là gạo và cà phê (cùng 3,67 tỷ USD), và cao su (2,86 tỷ USD). Nhưng đến năm 2018, giá trị xuất khẩu các sản phẩm này giảm xuống thấp hơn nhiều so với các sản phẩm nông sản còn lại và đạt lần lượt 2,9, 3,3 và 1,89 tỷ USD (mặc dù Việt Nam vẫn đang đứng thứ hai trên thế giới về xuất khẩu gạo). Nguyên nhân dẫn đến sự suy giảm là do thị trường xuất khẩu các mặt hàng gạo, cà phê và cao su của Việt Nam chưa được mở rộng và khi nằm chắc chân ở các thị trường truyền thống, các sản phẩm xuất khẩu Việt Nam luôn bị giảm, đánh mất lợi thế thị trường vào tay các đối thủ có sự cạnh tranh với giá tương đương.

Ngược lại, hạt điều và rau là hai sản phẩm có giá trị xuất khẩu thấp nhất trong năm 2012 lại có xu

Hình 2: Xuất khẩu một số hàng hóa nông sản thực phẩm, 2012 – 2018



Nguồn: Tổng hợp từ dữ liệu Tổng cục Thống kê (không năm xuất bản).

hướng gia tăng liên tục trong suốt giai đoạn này và đến năm 2018 đã vươn lên dẫn đầu về giá trị xuất khẩu. Đặc biệt, giá trị xuất khẩu hàng rau quả năm 2018 tăng cao, ước đạt 3,55 tỷ USD, tăng 11,6% so với cùng kỳ năm 2017. Hơn nữa, dự báo trong những năm tới, cơ hội tăng trưởng các sản phẩm này sẽ rất cao bởi nhu cầu sử dụng các loại hạt khô, rau quả để bảo vệ sức khỏe của người tiêu dùng trên thế giới ngày càng tăng (Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, 2018).

Thêm vào đó, tỷ trọng kim ngạch xuất khẩu thủy sản luôn ở mức cao bởi các mặt hàng thủy sản xuất khẩu chủ lực của Việt Nam đều đang khá “đắt hàng”. Tuy nhiên, xu hướng xuất khẩu mặt hàng này đang thể hiện tình trạng tăng trưởng không ổn định. Nguyên nhân dẫn đến tình trạng này là do những rào cản kỹ thuật và tiêu chuẩn an toàn thực phẩm của các nước nhập khẩu áp đặt trên mặt hàng thủy sản, đó là các quy định kiểm soát chất lượng của thị trường nhập khẩu như kiểm tra hóa chất, kháng sinh; quy chế truy xuất nguồn gốc thủy sản đánh bắt (IUU); các loại thuế chống bán phá giá, chống trợ cấp. Thêm vào đó, do điều kiện biến đổi khí hậu và sự cố môi trường biển từ phát triển công nghiệp cũng góp phần làm giảm sản lượng thủy sản.

Do mở rộng xuất khẩu của các mặt hàng nêu trên, cùng với nuôi trồng và đánh bắt thủy sản, tổng giá trị kim ngạch xuất khẩu nông sản thực phẩm của Việt Nam đã có sự vươn lên khá mạnh mẽ, đạt vượt mức kỷ lục 40,02 tỷ USD năm 2018, tăng 9,6% so với năm 2017. Giá trị xuất khẩu nông sản thực phẩm cao hơn khoảng 1/3 lần giá trị nhập khẩu, góp phần vào thặng dư thương mại nông sản thực phẩm với khoảng 8,72 tỷ USD, trong đó, xuất khẩu các mặt hàng nông sản chính ước đạt 19,51 tỷ USD, tăng 1,4% (Tổng cục Thống kê, 2018).

Bên cạnh đó, các hình thức tổ chức sản xuất trong nước tiếp tục được đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động. Lực lượng doanh nghiệp ngày càng lớn mạnh và tâm huyết đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn hơn, trở thành nòng cốt trong chuỗi giá trị nông sản. Chỉ tính riêng năm 2018, đã có 2.200 doanh nghiệp nông nghiệp và 1.935 hợp tác xã thành lập mới, nâng tổng số của cả nước lên 9.235 doanh nghiệp, 35.500 trang trại và 13.400 hợp tác xã nông nghiệp, trong đó có 55% số hợp tác xã nông nghiệp

hoạt động hiệu quả. Kinh tế hộ gia đình ở nông thôn tiếp tục phát triển theo cơ chế thị trường và đang có sự chuyển dịch hiệu quả hơn.

Mặc dù đã có nhiều nỗ lực và thành công trong phát triển, mở rộng thị trường xuất khẩu sản phẩm nông nghiệp, thực tế hoạt động xuất khẩu hàng nông sản, thực phẩm chủ lực của Việt Nam vẫn còn gặp nhiều khó khăn, hạn chế. Đặc biệt, trong môi trường cạnh tranh gay gắt hiện nay, trong khi các nước nhập khẩu nông sản lớn đều gia tăng bảo hộ hàng hóa nông sản thông qua các tiêu chuẩn về quản lý chất lượng và an toàn vệ sinh thực phẩm, thì cách tiếp cận “hàng hóa” xuất khẩu của Việt Nam chủ yếu là tăng trưởng về số lượng, chưa tập trung vào chất lượng và giá trị gia tăng, nên giá xuất khẩu và giá trị gia tăng trong hàng hóa nông sản thực phẩm xuất khẩu của Việt Nam vẫn còn thấp.

Ví dụ, Nga và các nước SNG có nhu cầu rất lớn về hàng nông sản của Việt Nam, là thị trường truyền thống đã từng tiêu thụ một lượng lớn hàng nông sản Việt Nam (như gạo, cà phê, chè và hồ tiêu). Tuy vậy, hiện nay nước ta mới đáp ứng được một phần nhỏ nhu cầu, mà lại thua kém các nước khác về chất lượng nên giá thường rẻ hơn, chỉ đạt kim ngạch xuất khẩu nông sản 60 - 90 triệu USD/năm. Tương tự, thị trường Mỹ hàng năm phải nhập khẩu khối lượng lớn hàng nông sản với nhiều chủng loại đa dạng, nhưng kim ngạch xuất khẩu nông sản của Việt Nam sang Mỹ mới chỉ đạt 100 - 130 triệu USD. Trong khi đó, đơn cử như mặt hàng rau quả để so sánh: Việt Nam xuất sang châu Á là 65 - 76% nhưng sang châu Mỹ chỉ khoảng 3 - 4%; hạt tiêu sang châu Á là 55 - 58%, sang Mỹ là 6 - 7%. Như vậy, nguyên nhân không phải do Việt Nam thiếu sản lượng xuất khẩu, mà do những quy định luật pháp thương mại, cơ chế kiểm dịch an toàn thực phẩm hà khắc mà sản phẩm nông sản Việt Nam chưa đáp ứng được.

3. Thách thức về an toàn thực phẩm nông sản Việt Nam

Trong bối cảnh Việt Nam ngày càng hội nhập sâu và rộng vào nền kinh tế quốc tế, hiện có quan hệ với khoảng 200 quốc gia và vùng lãnh thổ, đã ký hiệp định thương mại với 61 nước và thỏa thuận đối xử tối huệ quốc với 68 quốc gia, tham gia và thực hiện cam kết của các hiệp định thương mại song phương và đa phương thế hệ mới sẽ tác động không

nhỏ đến phát triển kinh tế Việt Nam nói chung và ngành Nông nghiệp nói riêng. Đặc biệt khi Việt Nam tham gia vào Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), nó được xem là cơ hội để Việt Nam hội nhập kinh tế khu vực và nhắm đến cả các nền kinh tế khác trong khu vực Châu Á - Thái Bình Dương. Gia nhập CPTPP đã tạo điều kiện cho các doanh nghiệp Việt Nam tham gia vào thị trường thương mại mới với quy mô thị trường chiếm khoảng 13,5% GDP toàn cầu và bao trùm thị trường gần 500 triệu dân và với cơ chế cạnh tranh chung trong nhiều lĩnh vực. Hàng hóa của Việt Nam, nhất là hàng hóa nông nghiệp sẽ có nhiều cơ hội, dễ dàng thâm nhập nhiều hơn vào các thị trường lớn, tiếp cận với khoa học, công nghệ và thị trường hiện đại. Những cơ hội mang lại từ thị trường quốc tế, cộng với những thuận lợi mang tính nền tảng mà nền nông nghiệp Việt Nam hiện đang sở hữu sẽ tạo thêm sức mạnh cho sản phẩm nông nghiệp cạnh tranh với hàng hóa nước ngoài khi hội nhập.

Tuy nhiên trong xu thế hội nhập, dù thuế quan đã giảm, nhưng những hàng rào phi thuế quan lại được mở rộng. Hành động theo sau là những hạn chế được trá hình đến thương mại, làm phá vỡ các nguyên tắc nghiêm ngặt của WTO và điều này cũng có nghĩa là những lợi ích tiềm tàng của thương mại khó có thể được thực hiện. Cho đến khi các rào cản phi thuế quan này được giảm thiểu, các nước đang phát triển như Việt Nam sẽ lại tiếp tục phải đối mặt với những trở ngại trên những cơ sở của môi trường, rào cản kỹ thuật và các tiêu chuẩn an toàn thực phẩm tại thị trường quốc tế. Do đó, tốc độ phát triển của Nông nghiệp Việt Nam sẽ bị thách thức bởi những hạn chế đối với việc nhập khẩu sản phẩm nông nghiệp vào các nước phát triển trên cơ sở điều kiện an toàn thực phẩm và kiểm dịch động thực vật.

Trong khi đó, ở môi trường trong nước, tăng trưởng nông nghiệp của Việt Nam thời gian qua chủ yếu dựa trên thâm dụng tài nguyên thiên nhiên. Điều này gây tác động xấu đến môi trường, làm tăng mức độ ô nhiễm và suy yếu nguồn tài nguyên thiên nhiên. Thêm vào đó, quy mô sản xuất nông nghiệp còn nhỏ lẻ, kết cấu hạ tầng yếu kém, trình độ áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật trong nông nghiệp vừa thiếu, vừa lạc hậu; chuỗi liên kết, chuỗi cung ứng nông nghiệp chưa hình thành;... Trong khi đó việc quản lý

và thực hiện quy trình sản xuất và chế biến sản phẩm nông nghiệp ở nông thôn theo các tiêu chuẩn quốc tế chưa được thực hiện tốt do nhiều doanh nghiệp thiếu hụt nghiêm trọng thông tin về thị trường quốc tế, cộng thêm trình độ người nông dân thấp, lại có tâm lý ngại tuân thủ theo quy định tiêu chuẩn, ngại áp dụng phương pháp mới, ngại liên kết với các hộ khác,... Từ đó, dẫn đến tình trạng sản lượng và chất lượng hàng nông, thủy sản của Việt Nam chưa cao, chưa đáp ứng được yêu cầu về tiêu chuẩn an toàn thực phẩm quốc tế, từ đó dẫn đến năng lực cạnh tranh trên thị trường quốc tế theo đó cũng suy yếu.

Thực tế cho thấy, đối với an toàn thực phẩm, hóa chất vẫn là quan trọng, bởi trong quá trình sản xuất, hầu hết các nước đều phải sử dụng hóa chất, thuốc bảo vệ thực vật, phân bón, và nếu đáp ứng được quy định về mức dư lượng tối đa cho phép thì vẫn đảm bảo xuất khẩu. Tuy nhiên, nông sản xuất khẩu của Việt Nam vẫn đang hằng ngày đối mặt với nhiều khó khăn, trong đó, rào cản lớn nhất vẫn là các tiêu chuẩn về chất lượng, mức độ tồn dư thuốc bảo vệ thực vật trong nông sản khi xuất khẩu vào các thị trường lớn.

Chỉ tính riêng thị trường châu Âu, trong năm 2018, có đến gần 50 trường hợp hàng hóa nông sản, thực phẩm Việt Nam xuất khẩu vào thị trường này bị cảnh báo hoặc từ chối cho phép nhập khẩu do các vi phạm liên quan đến an toàn thực phẩm; Việt Nam cũng nằm trong nhóm các nước có số trường hợp bị cảnh báo và trả hàng về từ châu Âu nhiều nhất. Phần lớn các lô hàng bị trả về do các vi phạm liên quan đến vượt ngưỡng hàm lượng tồn dư tối đa thuốc bảo vệ thực vật trong nông sản, thực phẩm (MRL). Không dừng lại ở đó, liên sau những đơn hàng bị hủy, thị trường châu Âu vẫn giữ cảnh báo thẻ vàng đối với thủy sản khai thác nhập khẩu từ Việt Nam, đồng thời dự thảo các quy định mới về các chất sử dụng trên sản phẩm giống cây trồng. Thị trường Trung Quốc không chỉ nâng cao tiêu chuẩn về chất lượng nông sản nhập khẩu, mà còn tăng cường quản lý và siết chặt thương mại biên giới. Thị trường Hoa Kỳ gia tăng các biện pháp bảo hộ thông qua áp thuế chống bán phá giá đối với các mặt hàng thủy sản Việt Nam, tiếp tục chương trình Thanh tra đối với cá da trơn theo Đạo luật Nông nghiệp (FarmBill). Các thị trường Hàn Quốc, Nhật Bản cũng thường xuyên

rà soát, điều chỉnh các quy định về an toàn thực phẩm và gia tăng tần suất kiểm tra hàng nông thủy sản nhập khẩu, gây bất lợi đến tiến độ xuất khẩu của Việt Nam vào các thị trường này...

Do vậy, Việt Nam muốn xuất khẩu an toàn và bền vững các mặt hàng nông sản - thực phẩm, đòi hỏi các cơ quan quản lý Nhà nước, các doanh nghiệp tham gia sản xuất, chế biến và xuất khẩu nông sản phải thay đổi từ phương thức sản xuất, thói quen giao dịch đến cách tiếp cận thị trường theo hướng nâng cao chất lượng, thực hiện có hiệu quả và quyết liệt hơn việc tuân thủ các tiêu chuẩn an toàn thực phẩm để đáp ứng tốt các yêu cầu, đòi hỏi của thị trường quốc tế, qua đó sẽ kích thích sản xuất trong nước, đồng thời bảo vệ người tiêu dùng địa phương và mở rộng thị trường xuất khẩu.

4. Giải pháp nâng cao chất lượng an toàn thực phẩm nông sản xuất khẩu

Trong bối cảnh nêu trên, việc nâng cao chất lượng nhằm tăng khả năng cạnh tranh của các ngành hàng là lối mở cho sản phẩm nông nghiệp Việt Nam vượt qua những rào cản kỹ thuật ngày càng khắt khe cũng như chống lại những cú “sốc” mà thị trường thế giới mang lại. Theo đó, những vấn đề cấp thiết đang đặt ra cần được giải quyết là:

Thứ nhất, thúc đẩy cải cách thể chế, điều chỉnh hệ thống chính sách phù hợp với thông lệ quốc tế nhằm tạo ra môi trường kinh doanh bình đẳng, cũng như xóa bỏ các rào cản, nhằm thu hút đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

Thứ hai, các Hiệp hội ngành hàng nông nghiệp Việt Nam cần nâng cao năng lực của các thành viên Hiệp hội trong việc tổ chức thu mua nguyên liệu với giá cả hợp lý, đầu tư đổi mới trang thiết bị, ứng dụng khoa học công nghệ, ưu tiên công nghệ cao, công nghệ sinh học; tận dụng tối đa thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 để tạo ra những giống cây trồng, vật nuôi mới nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và bảo vệ môi trường sinh thái. Phân đầu tư giá trị hàng nông nghiệp xuất khẩu Việt Nam tương đương với các nước trong khu vực.

Thứ ba, các doanh nghiệp Việt Nam cần phải đổi mới tư duy trong sản xuất và thương mại, trong đó không ngừng đổi mới sản phẩm, kiểm soát chặt chẽ quy trình sản xuất, chế biến, tiêu thụ an toàn, dựa trên nền tảng nông nghiệp công nghệ cao, nông

ng nghiệp sản xuất sạch, hướng tới nền sản xuất nông nghiệp hiện đại và bắt kịp với toàn cầu hóa trong thời đại công nghệ 4.0. Doanh nghiệp cần xây dựng một chuỗi liên kết hoàn chỉnh và khép kín trong đó có sự liên kết chặt chẽ với người nông dân, tổ chức sản xuất theo hướng tập trung đảm bảo an toàn thực phẩm, chú trọng áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến như: Hệ thống phân tích mối nguy và điểm kiểm soát tới hạn (HACCP), Quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp (GAP), Tiêu chuẩn thực hành sản xuất tốt (GMP), Tiêu chuẩn ISO 22000 về an toàn thực phẩm,... Ngoài tăng cường trang bị máy móc vật tư nông nghiệp, doanh nghiệp cần có sự đào tạo, hướng dẫn cho nông dân nâng cao áp dụng khoa học – kỹ thuật, sử dụng thuốc bảo vệ thực vật và quản lý dư lượng từ khâu sản xuất, chế biến đến thu hoạch sản phẩm, nhằm đảm bảo đảm bảo nâng cao chất lượng sản phẩm đạt tiêu chuẩn Viet GAP, Global GAP và tương đương, đáp ứng các yêu cầu về kiểm nghiệm, kiểm dịch, truy xuất nguồn gốc theo đúng yêu cầu của thị trường nhập khẩu. Đồng thời, các doanh nghiệp xuất khẩu cũng cần chủ động nghiên cứu thị trường, thay đổi tư duy tiếp cận thị trường, thay đổi phương thức giao dịch từ tiểu ngạch sang thương mại chính quy.

Thứ tư, các đơn vị chức năng tăng cường thanh tra, kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ về chất lượng, phát hiện các chất độc hại tồn dư trong các sản phẩm nông nghiệp từ những yếu tố đầu vào, chất lượng cây, con giống đến các khâu sản xuất thu mua, bảo quản, chế biến và tiêu thụ nhằm đảm bảo chất lượng đạt tiêu chuẩn thị trường đầu ra của sản phẩm nông nghiệp.

Thứ năm, chú trọng xây dựng thương hiệu cho nông sản Việt Nam. Những năm gần đây, việc xuất khẩu một số mặt hàng nông sản Việt Nam (hoa quả, cà phê, tiêu, điều, thủy sản,...) sang thị trường châu Âu, Mỹ đã đạt một số kết quả đáng kể, nhưng mới chỉ chú trọng về số lượng mà chưa quan tâm vấn đề thương hiệu. Do vậy, các hiệp hội ngành hàng nông, lâm, thủy sản nước ta nên tổ chức giới thiệu sản phẩm của ngành mình tại các thị trường mà hàng Việt Nam xuất khẩu tới, nhằm tạo dựng niềm tin của người tiêu dùng đối với các sản phẩm nông nghiệp mang thương hiệu Việt Nam.

Tài liệu tham khảo:

- Anders, S.M. & Caswell, J.A. (2009), 'Standards as barriers versus standards as catalysts: Assessing the impact of HACCP implementation on US seafood imports', *American Journal of Agricultural Economics*, 91(2), 310-321.
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (2018), *Báo cáo tổng kết ngành nông nghiệp năm 2018 và triển khai kế hoạch năm 2019*, Hà Nội.
- Chen, C., Yang, J. & Findlay, C. (2008), 'Measuring the effect of food safety standards on China's agricultural exports', *Review of World Economics*, 144(1), 83-106.
- Đặng Kim Sơn (2017), 'Tái cơ cấu nông nghiệp và người nông dân nhỏ Việt Nam', Tham luận trình bày tại Hội thảo *Phát triển chuỗi giá trị trong sản xuất nông nghiệp: Chìa khóa nâng cao giá trị nông sản*, Trung ương Hội Nông dân Việt Nam, ngày 4 tháng 10 năm 2017.
- OECD (2015), *Agricultural Policies in Viet Nam 2015*, PECD, Paris, truy cập lần cuối ngày 20 tháng 3 năm 2019 từ <<http://dx.doi.org/10.1787/9789264235151-en>>.
- FAO (2013), *Food Safety Regulations and Export Responses of Developing Countries: The Case of Turkey's Fig and Hazelnut Exports*, FAO Commodity and Trade Policy Research Working Paper No.39, Rome, Italy.
- Maertens, M. & Swinnen, J.F. (2009), 'Trade, standards and poverty: Evidence from Senegal', *World Development*, 37(1), 161-178.
- Jaffee, S. & Henson, S. (2004), *Standards and agro-food exports from developing countries: rebalancing the debate (3348)*, World Bank Publications, Washington DC, US.
- Jongwanich, J. (2009), 'The impact of food safety standards on processed food exports from developing countries', *Food Policy*, 34(5), 447-457.
- Tổng cục Thống kê (2018), *Tình hình kinh tế - xã hội năm 2018*, truy cập lần cuối ngày 24 tháng 4 năm 2019 từ <<https://www.gso.gov.vn/default.aspx?tabid=621&ItemID=19037>>.
- Tổng cục Thống kê (không năm xuất bản) *Số liệu thống kê*, truy cập ngày 24 tháng 4 năm 2019, từ <<https://www.gso.gov.vn/default.aspx?tabid=717>>.